

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHÚC YÊN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2019/HS-ST
Ngày 13 - 8 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚC YÊN, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Trang Nhung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Minh Phú

Ông Nguyễn Đăng Hải

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Phương Dung - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Phúc Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên tham gia phiên toà: Bà Cù Thị Hồng Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 57/2019/TLST- HS ngày 22 tháng 7 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2019/QĐXXST - HS ngày 30 tháng 7 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Thái Phúc A, sinh ngày 11/02/1974; tên gọi khác: không; Giới tính: Nam; Nơi sinh và cư trú: Phường P, thành phố Y, tỉnh Vĩnh Phúc; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 08/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Đảng, chính quyền, đoàn thể: Không; con ông: Thái Công M (Đã chết) và bà Ngô Thị H; Có vợ là Phạm Thị T và có 01 con sinh năm 1999; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại tại địa phương.

2. Họ và tên: Ngô Văn H1, sinh ngày 07/10/1980; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Nơi sinh và cư trú: Phường I, thành phố Y, tỉnh Vĩnh Phúc; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Bảo vệ; Đảng, chính quyền, đoàn thể: Không; Con ông Ngô Minh T1 và bà Ngô Thị H2; Có vợ là Ngô Thị T2 và có 02 con, lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2010; Tiền án, tiền sự: không;

Quá trình hoạt động:

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 06/2010/HSST ngày 25/01/2010 của Tòa án nhân dân thị xã Phúc Yên (nay là thành phố Phúc Yên), tỉnh Vĩnh Phúc, xử phạt 01 năm 06 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 03 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm, đã nộp xong vào tháng 3 năm 2010, đến nay đã được xóa án tích.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 124/2011/HSST ngày 28/10/2011 của Tòa án nhân dân thị xã Phúc Yên (nay là thành phố Phúc Yên), tỉnh Vĩnh Phúc, áp dụng khoản 1 Điều 139, điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g (tái phạm) khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999 xử phạt 02 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tài sản chiếm đoạt là chiếc xe mô tô trị giá 30.000.000 đồng. Chấp hành xong ra trại ngày 26/4/2013, án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng đã nộp xong tháng 5/2012; Về phần trách nhiệm dân sự: Buộc Ngô Văn H1 phải hoàn trả cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan số tiền 20.000.000 đồng, tuy nhiên người được thi hành án không có đơn yêu cầu đến nay đã hết thời hiệu yêu cầu thi hành án vì vậy toàn bộ bản án nêu trên đã được xóa án tích.

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại tại địa phương.

Các bị cáo đều có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Nguyễn Đức Q, sinh năm 1980, (Vắng mặt).

Địa chỉ: Phường D, thành phố Y, tỉnh Vĩnh Phúc

- Anh Nguyễn Gia L, sinh năm 1987, (Vắng mặt).

Địa chỉ: Xã Phương X, huyện K, tỉnh Phú Thọ.

- Anh Ngô Xuân T3, sinh năm 1986, (Vắng mặt).

Địa chỉ: Phường P, thành phố Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Anh Cát Văn T4, sinh năm 1982, (Vắng mặt).

Địa chỉ: Xã S, huyện Đ, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người làm chứng:

- Anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 1986, (Vắng mặt).

- Anh Trần Việt H2, sinh năm 2000, (Vắng mặt).

- Anh Trần Đông B, sinh năm 1996, (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ 15 phút ngày 09 tháng 4 năm 2019, Thái Phúc A đang ở quán nước của mình tại phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên thì có Ngô Văn H1 đến hỏi mua các số đề và số 3 càng. A đồng ý bán và thống nhất cách chơi như sau: Nếu mua số lô thì 01 điểm lô A bán ra với giá 23.000 đồng, nếu người mua số lô có kết quả trùng với 02 số cuối tất cả các giải của kết quả xổ số kiến thiết miền Bắc mở thưởng cùng ngày sẽ được hưởng số tiền là 80.000 đồng cho 01 số trùng; Người mua số đề nếu trùng với 02 số cuối của giải đặc biệt kết quả xổ số kiến thiết miền Bắc mở thưởng cùng ngày sẽ được gấp 80 lần số tiền đã mua; Người mua số 3 càng trùng với 03 số cuối cùng của giải đặc biệt kết quả xổ số kiến thiết miền Bắc mở thưởng cùng ngày sẽ được gấp 400 lần số tiền đã bỏ ra. Nếu người mua không trúng thì A được hưởng toàn bộ số tiền mà người mua đã bỏ ra để mua số lô, số đề, số 3 càng và ngược lại nếu người mua trúng thì A phải trả cho người mua như đã thỏa thuận nêu trên.

Thỏa thuận xong, Ngô Văn H1 đưa cho Thái Phúc A một mảnh giấy A4 đã ghi sẵn các số đề, số 3 càng và số tiền mua cụ thể như sau: Các số đề 00, 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 09 mỗi số là 50.000 đồng = 500.000 đồng; các số đề 01, 11, 21, 31, 41, 51, 61, 71, 81, 91 mỗi số là 50.000 đồng = 500.000 đồng; số đề 04 là 500.000 đồng; số đề 05 là 100.000 đồng; số đề 06 là 250.000 đồng, số đề 07 là 150.000 đồng; các số đề 08, 09 mỗi số là 100.000 đồng = 200.000 đồng; số đề 65 là 200.000 đồng; số đề 66 là 50.000 đồng; số đề 67 là 100.000 đồng; số đề 68 là 200.000 đồng; số đề 69 là 50.000 đồng; số đề 51 là 150.000 đồng; số đề 56 là 200.000 đồng; số đề 60 là 50.000 đồng; số đề 45 là 150.000 đồng; số đề 54 là 100.000 đồng; các số đề 95, 59, 85 mỗi số là 50.000 đồng = 150.000 đồng; các số đề 86, 87 mỗi số là 100.000 đồng = 200.000 đồng; các số đề 39, 93 mỗi số là 100.000 đồng = 200.000 đồng; số đề 40 là 50.000 đồng; các số đề 36, 46 mỗi số là 100.000 đồng = 200.000 đồng; số đề 76 là 200.000 đồng; số đề 96 là 100.000 đồng; số đề 35 là 100.000 đồng; số đề 25, 15 mỗi số là 50.000 đồng = 100.000 đồng; số đề 16 = 50.000 đồng; số đề 26 là 100.000 đồng; số đề 38, 55 mỗi số là 50.000 đồng = 100.000 đồng; số đề 75 là 100.000 đồng; số đề 95 là 50.000 đồng; số đề 57, 58 mỗi số là 100.000 đồng; các số đề 47, 48, 37 mỗi số là 50.000 đồng = 150.000 đồng; số đề 27 là 100.000 đồng. H1 mua các số ba càng gồm: 704, 604 mỗi số là 100.000 đồng = 200.000 đồng; các số ba càng 707, 508, 406, 965, 956, 876, 568, 039, 251, 626 mỗi số là 50.000 đồng = 500.000 đồng. Tổng số tiền H1 đã mua số đề, số ba càng của A là 6.300.000 đồng nhưng do H1 mua với số tiền lớn nên A chỉ lấy 6.000.000 đồng (H1 được khuyến mại 300.000 đồng), H1 trả cho A xong rồi ra về, A ghi những số đề, số 3 càng mà H1 vừa mua xong vào tờ giấy A4 để theo dõi.

Vẫn hình thức đánh lô, đề nêu trên khoảng 16 giờ 50 phút cùng ngày, Nguyễn Đức Q sinh sử dụng số điện thoại 0986287611 nhắn tin vào số điện thoại 0984995617 của A để mua số lô 89 là 30 điểm = 690.000 đồng, số lô 94 là 70 điểm = 1.610.000 đồng, các số đề 89 và 94 mỗi số là 50.000 đồng = 100.000 đồng thì được A đồng ý bán và viết những số lô, số đề này vào tờ giấy A4 để theo dõi. Tổng số tiền Q phải trả cho A là 2.400.000 đồng tuy nhiên số tiền này Q chưa trả cho A.

Đến khoảng 17 giờ 25 cùng ngày, có 02 thanh niên tự khai là Nguyễn Văn T5 và Đinh Văn D đến hỏi mua số lô, số đề, A đồng ý bán với cách chơi như đã thỏa thuận với H1. D mua các số lô 86, 82, 84 mỗi số 30 điểm = 2.070.000 đồng và số đề 82 là 40.000 đồng, tổng số tiền mà D phải trả cho A là 2.110.000 đồng. A ghi những số lô, số đề bán cho D ra một mẫu giấy gọi là “tích kê”, bên dưới tờ “tích kê” có kê 01 tờ giấy than để những số lô, số đề này sẽ được in vào 01 trang giấy trong quyển sổ của A theo dõi sau đó đưa cho D tờ “tích kê” và nhận tiền. Sau khi D mua xong thì T5 tiếp tục hỏi mua số lô, số đề và cũng được A đồng ý bán. T5 mua các số lô: 05, 76, 82, 09 mỗi số là 25 điểm lô = 2.300.000 đồng và các số đề 05, 76, 82, 09 mỗi số là 50.000 đồng = 200.000 đồng, tổng số tiền T5 phải trả cho A là 2.500.000 đồng, A ghi các số lô, số đề bán cho T5 ra một mẫu giấy “tích kê” đưa cho T5 và nhận tiền, thì bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Phúc Yên kiểm tra phát hiện A, D và T5 có hành vi đánh bạc dưới hình thức mua bán số lô, số đề, đồng thời thu giữ toàn bộ vật chứng có liên quan.

Như vậy, tổng số tiền bị cáo T5, Phúc A đã phạm tội đánh bạc ngày 09/4/2019 là: 6.000.000 đồng + 2.400.000 đồng + 2.110.000 đồng + 2.500.000 đồng = 13.010.000 đồng. Số tiền mà Ngô Văn H1 phạm tội đánh bạc là: 6.000.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định ngoài hành vi bán số lô, số đề, số 3 càng cho Ngô Văn H1, Nguyễn Đức Q, Đinh Văn D và Nguyễn Văn T5, thì vẫn bằng cách chơi như đã thỏa thuận nêu trên Thái Phúc A còn bán số lô, số đề, số 3 càng cho một số người khác, cụ thể: Ngày 08/4/2019, Nguyễn Gia L đến quán của A hỏi mua số lô 93 là 5 điểm = 115.000 đồng, A đồng ý bán và đã nhận đủ tiền. So sánh với kết quả xổ số kiến thiết miền Bắc mở thưởng ngày 08/4/2019 thì số lô 93 trùng với 02 số cuối của giải 4 nên A phải trả cho Long số tiền trúng thưởng là 400.000 đồng theo như đã thỏa thuận. Ngày 05/4/2019, Ngô Xuân T3 sử dụng số điện thoại 0975816178 nhắn tin đến số điện thoại 0984995617 của A hỏi mua các số đề 27, 72 mỗi số là 25.000 đồng = 50.000 đồng, A đồng ý bán nhưng T3 chưa trả tiền và cũng không trúng thưởng.

Ngoài ra, Thái Phúc A còn 04 lần bán số lô, số đề cho Cát Văn T4, cụ thể: Ngày 05/12/2018, Cát Văn T4 sử dụng mạng xã hội Zalo có tên “CÁT VĂN T4”

nhắn tin đến tài khoản Zalo có tên “Thai Ngo Thai Ngo” của A đề hỏi mua các số lô 37, 92 mỗi số là 20 điểm = 460.000 đồng, A đồng ý bán, T4 đã trả đủ tiền nhưng không trúng thưởng. Ngày 30/3/2019, A đã bán cho T4 41 số đề gồm: 14, 41, 79, 97, 29, 92, 47, 74, 19, 91, 96, 69, 46, 64, 08, 80, 03, 30, 35, 53, 85, 58, 13, 31, 68, 86, 18, 81, 36, 63, 44, 99, 89, 98, 11, 22, 33, 55, 66, 77, 88 mỗi số là 20.000 đồng = 820.000 đồng nhưng không trúng thưởng. Ngày 31/3/2019 Tài tiếp tục nhắn tin vào tài khoản Zalo nêu trên của A hỏi mua các số lô 64, 38 mỗi số là 15 điểm = 690.000 đồng; các số lô 48, 81 mỗi số là 5 điểm = 230.000 đồng; các số đề 17, 71, 86, 68, 31, 13 mỗi số là 10.000 đồng = 60.000 đồng, A đồng ý bán. Tổng số tiền T4 phải trả cho A là 980.000 đồng. So sánh với kết quả xổ số kiến thiết miền Bắc mở thưởng cùng ngày, T4 trúng các số lô 64 là 15 điểm, số lô 48 là 05 điểm, tổng số tiền trúng thưởng là 1.600.000 đồng. Ngày 08/4/2019, A bán cho T4 41 số đề gồm: 41, 43, 45, 46, 47, 48, 06, 36, 56, 76, 86, 96, 05, 07, 54, 14, 15, 17, 22, 23, 24, 25, 27, 33, 34, 35, 37, 57, 75, 84, 85, 89, 87, 95, 97, 50, 51, 60, 63, 53, 15 mỗi số là 30.000 đồng = 1.230.000 đồng; 14 số ba càng gồm: 876, 245, 645, 641, 541, 335, 975, 957, 527, 956, 497, 947, 748, 687 mỗi số là 10.000 đồng = 140.000 đồng. Tổng số tiền T4 phải trả cho A là 1.370.000 đồng, T4 đã trả đủ tiền nhưng không trúng thưởng.

Riêng đối với hành vi bán số lô, số đề, số 3 càng các ngày 05/12/2018, 30/3/2019, 31/3/2019, 05/4/2019, 08/4/2019 của Thái Phúc A đều dưới 5.000.000 đồng, nhân thân chưa có tiền án, tiền sự nên chưa đủ cấu thành tội “Đánh bạc” vì vậy ngày 05 tháng 7 năm 2019, cơ quan điều tra đã có công văn số 679 đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Phúc Yên ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với A về hành vi “làm chủ lô, đề” theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 26 Nghị định 167/2013/NĐ - CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ với mức phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

Đối với anh Nguyễn Đức Q; Nguyễn Gia L; Ngô Xuân T3 và Cát Văn T4 đã mua các số lô, số đề, số 3 càng của Thái Phúc A là vi phạm pháp luật. Quá trình điều tra vụ án xác định nhân thân của Q, L, T3 và T4 đều chưa có tiền án, tiền sự, số tiền sử dụng để đánh bạc đều dưới 5.000.000 đồng nên chưa đủ cấu thành cấu thành tội “Đánh bạc”. Ngày 02/7/2019, Công an thành phố Phúc Yên đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính mỗi người với số tiền 350.000 đồng.

Đối với 02 thanh niên tự khai là Nguyễn Văn T5 và Đinh Văn D đã mua số lô, số đề của Thái Phúc A. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh theo địa chỉ ban đầu mà T5 và D đã khai báo nhưng chưa làm rõ được nhân thân lai lịch, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau.

Về tài liệu, đồ vật bị thu giữ:

+ Vật chứng thu giữ, tạm giữ ngày 09/4/2019 gồm:

- Thu trên mặt bàn trước mặt T5 Phúc A số tiền 2.500.000 đồng (A khai nhận đây là tiền vừa bán số lô, số đề cho Nguyễn Văn T5).

- Thu trên người Thái Phúc A số tiền: 20.610.000 đồng, trong đó: 2.110.000 đồng là tiền vừa bán số lô, số đề cho Đinh Văn D: 6.000.000 đồng là tiền bán số đề, số 3 càng cho Ngô Văn H1. Còn lại 12.500.000 đồng là tiền riêng của A.

- Thu trên bàn trước mặt A: 01 mảnh giấy nhỏ ghi các số lô, số đề bán cho T5; 01 chiếc máy tính nhãn hiệu Casino; 01 chiếc bút bi mực màu đen; 01 quyển sổ có dòng kẻ ngang, bìa ghi chữ KLONG; 01 tờ giấy than; 01 quyển sổ có dòng kẻ ngang, bì ghi dòng chữ Công ty văn phòng phẩm H2ng H; 01 quyển sổ dòng kẻ ngang không có bìa bên trong ghi các kết quả xổ số đặc biệt các ngày; 01 tờ giấy A4 có ghi “ ngày 09/4, T”, bên trong ghi các số lô, số đề; 01 tờ giấy A4 có ghi “ ngày 08/4, T” bên trong ghi các số lô, số đề; 01 tờ giấy A4 có ghi ngày 09/4/2019 ghi các số đề, số 3 càng (Các số này do Ngô Văn H1 tự ghi đưa cho A để mua các số đề và số 3 càng của A).

- Thu trong người Đinh Văn D 01 mảnh giấy nhỏ gọi là “ cáp đề” ghi các số lô, số đề vừa mua của A.

- Thu giữ của Thái Phúc A: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 đã cũ; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo F3 màu đen đã cũ; 01 điện thoại di động mặt lưng có chữ Iphone vỏ màu đồng đã cũ.

+ Vật chứng thu giữ của các đối tượng liên quan khác gồm:

- Thu giữ của Ngô Xuân T3: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung màu đen đã qua sử dụng có 01 vết vỡ màn hình; 01 ốp điện thoại bằng nhựa màu trắng đã cũ; số tiền 50.000 đồng.

- Thu giữ của Cát Văn T4: 01 điện thoại di động màu đen có ghi chữ Iphone đã qua sử dụng; Số tiền 1.600.000 đồng.

- Thu giữ của Nguyễn Đức Q số tiền 2.400.000 đồng.

- Thu giữ của Nguyễn Gia L số tiền 400.000 đồng; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia đã qua sử dụng.

Về xử lý vật chứng:

- Đối với số tiền đã thu giữ của Thái Phúc A gồm: 2.500.000 đồng là tiền bán số lô, số đề cho T5; 6.000.000 đồng bán số lô, số 3 càng cho H1; 2.110.000 đồng bán số lô, số đề cho D. Đối với số tiền 1.600.000 đồng đã thu giữ của Cát Văn T4; 50.000 đồng đã thu giữ của Ngô Xuân T3; 2.400.000 đồng đã thu giữ của Nguyễn Đức Q; 400.000 đồng đã thu giữ của Nguyễn Gia L. Tổng cộng là

15.060.000 đồng là tiền các đối tượng sử dụng để đánh bạc và trúng thưởng do đánh bạc mà có nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Đối với số tiền Thái Phúc A đã bán số lô, số đề, số 3 càng cho Cát Văn T4 vào các ngày 05/12/2018 là 460.000 đồng; ngày 30/3/2019 là 820.000 đồng và ngày 08/4/2019 là 1.370.000 đồng. Tổng cộng là 2.650.000 đồng, số tiền này do A phạm tội mà có nên cần truy thu sung quỹ Nhà Nước đối với A.

- Đối với 01 quyển sổ có dòng kẻ ngang, bìa có ghi chữ KLONG; 01 quyển sổ có dòng kẻ ngang không có bìa; 02 tờ tích kê; 01 tờ giấy ghi “ ngày 09/04/2019” và 01 tờ giấy A4 ghi “ 9/4/ T”, 01 tờ giấy A4 ghi “ 8/4/T” là những tài liệu A sử dụng vào mục đích bán số lô, số đề, số ba càng nên được chuyển theo hồ sơ vụ án.

- Đối với 01 bút bi mực màu đen, 01 tờ giấy than sử dụng vào mục đích đánh bạc cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 chiếc máy tính Casio; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia N1280 bên trong có lắp sim số 0984995617; 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO màu đen đã qua sử dụng, Thái Phúc A đều sử dụng để bán số lô, số đề, số ba càng. Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu đen đã thu giữ của Cát Văn T4; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu đen đã thu giữ của Ngô Xuân T3 đều sử dụng để gửi tin nhắn mua số lô, số đề, số ba càng của Thái Phúc A cần tịch thu bán sung quỹ Nhà nước.

- Đối với chiếc điện thoại di động anh Nguyễn Đức Q sử dụng để nhắn tin mua số lô, số đề của Thái Phúc A ngày 09/4/2019, anh Q đã làm mất đến nay không thu hồi được nên cơ quan cảnh sát điều tra không xem xét xử lý.

- Đối với số tiền 12.500.000 đồng; 01 chiếc điện thoại di động mặt lưng có chữ Iphone, vỏ màu đồng; 01 quyển sổ có dòng kẻ ngang bìa có ghi chữ công ty văn phòng phẩm Hồng Hà đã thu giữ của Thái Phúc A không liên quan đến hành vi phạm tội cần trả lại cho A nhưng tiếp tục tạm giữ số tiền + điện thoại nêu trên để đảm bảo thi hành án.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen đã thu giữ của Nguyễn Gia L. Quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của L không sử dụng vào mục đích đánh bạc cần trả lại cho L.

Tại cơ quan điều tra các bị cáo Thái Phúc A và Ngô Văn H1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên

Tại Cáo trạng số: 53/CT - VKSPY ngày 22 tháng 7 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên truy tố các bị cáo Thái Phúc A và Ngô Văn H1 về tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Thái Phúc A và Ngô Văn H1 về tội “Đánh bạc”, sau khi đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo và các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: Khoản 1 và khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Thái Phúc A từ 09 (Chín) tháng đến 12 (Mười hai) tháng tù, cho hưởng án treo, thời hạn thử thách từ 01 (một) năm 06 (Sáu) tháng đến 02 (Hai) năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bị cáo Thái Phúc A số tiền từ 10.000.000đồng đến 15.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước.

Giao bị cáo Thái Phúc A cho Ủy ban nhân dân phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Áp dụng: Khoản 1 và khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt: Bị cáo Ngô Văn H1 07 (Bảy) đến 09 (Chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án. Phạt bị cáo Ngô Văn H1 số tiền từ 10.000.000đồng đến 15.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu sung quỹ Nhà nước tổng số tiền bị cáo A và các đối tượng phạm tội mà có gồm: 2.500.000 đồng là tiền bán số lô, số đề cho T5; 6.000.000 đồng bán số lô, số 3 càn cho H1; 2.110.000 đồng bán số lô, số đề cho D. Số tiền 1.600.000 đồng đã thu giữ của Cát Văn T4; 50.000 đồng đã thu giữ của Ngô Xuân T3; 2.400.000 đồng đã thu giữ của Nguyễn Đức Q; 400.000 đồng đã thu giữ của Nguyễn Gia L. Tổng cộng là 15.060.000 đồng (Mười lăm triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng).

Truy thu sung quỹ Nhà nước số tiền bị cáo A bán số lô, số đề, số 3 càn cho Cát Văn T4 các ngày 05/12/2018 là 460.000 đồng, ngày 30/3/2019 là 820.000 đồng và ngày 08/4/2019 là 1.370.000 đồng. Tổng cộng là 2.650.000 đồng (Hai triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

Tịch thu, tiêu hủy: 01 bút bi mực màu đen, 01 tờ giấy than.

Tịch thu, bán phát mại sung quỹ Nhà nước: 01 chiếc máy tính Casio màu đen; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia N1280 màu đen bên trong có lắp sim số 0984995617; 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO F3 màu đen đã qua sử dụng; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu đen đã thu giữ của Cát Văn T4; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu đen đã thu giữ của Ngô Xuân T3.

Trả lại cho Thái Phúc A: Số tiền 12.500.000 đồng; 01 chiếc điện thoại di động mặt lưng có chữ Iphone, vỏ màu vàng đồng; 01 quyển sổ có dòng kẻ

ngang bìa có ghi chữ công ty văn phòng phẩm Hồng Hà nhưng tiếp tục tạm giữ số tiền và điện thoại nêu trên để đảm bảo thi hành án.

Trả lại cho Nguyễn Gia L 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen.

Về án phí: Đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Thái Phúc A và Ngô Văn H1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo không có ý kiến bổ sung gì khác và không có ý kiến tham gia tranh luận.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo biết việc làm của mình là sai, là vi phạm pháp luật. Các bị cáo đều thể hiện thái độ ăn năn, hối hận và mong Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng lượng khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Phúc Yên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa các bị cáo Thái Phúc A và Ngô Văn H1 thừa nhận hành vi: Trong khoảng thời gian từ 16 giờ 15 phút đến 17 giờ 25 phút ngày 09/4/2019 tại quán bán nước của mình thuộc phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, Thái Phúc A đã có hành vi đánh bạc dưới hình thức bán số lô, số đề, số 3 càng cho các đối tượng sau: Bán số đề, số 3 càng cho Ngô Văn H1 với số tiền là 6.000.000 đồng; Bán số lô, số đề cho Nguyễn Đức Q số tiền là 2.400.000 đồng; Bán số lô, số đề cho thanh niên tự khai là Nguyễn Văn T5 với số tiền là 2.110.000 đồng và thanh niên tự khai Đinh Văn D với số tiền là 2.500.000 đồng thì bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Phúc Yên kiểm tra phát hiện bắt giữ.

Tổng số tiền bị cáo Thái Phúc A đã phạm tội đánh bạc ngày 09/4/2019 là: 13.010.000 đồng (Mười ba triệu không trăm mười nghìn đồng). Số tiền mà Ngô Văn H1 phạm tội đánh bạc là: 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng).

[3] Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác thể hiện trong hồ sơ vụ án và phù hợp với nội dung Cáo trạng đã được đại diện Viện kiểm sát công bố tại phiên tòa, từ đó có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Thái Phúc A và Ngô Văn H1 đã phạm vào tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng...thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

Do đó, việc Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên truy tố các bị cáo theo cáo trạng số: 53/CT – VKSPY ngày 22 tháng 7 năm 2019 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Xét tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng nhưng hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an, xâm phạm đến trật tự nếp sống văn minh của xã hội. Từ tội đánh bạc có thể nảy sinh ra nhiều tội phạm khác như trộm cắp tài sản, cưỡng đoạt tài sản, gây rối trật tự công cộng. Vì vậy, cần phải đưa các bị cáo ra xét xử nghiêm minh mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[5] Xét nhân thân, tính chất, mức độ, vai trò của các bị cáo cũng như các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự thấy rằng:

Về tình tiết tăng nặng: Cả hai bị cáo Thái Phúc A và Ngô Văn H1 đều không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ:

Bị cáo Thái Phúc A là đối tượng chủ mưu, trực tiếp bán số lô, số đề, số 3 càn cho các con bạc để thu lời. Tuy nhiên, trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, bị cáo được hưởng hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình và 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đó là có bố đẻ là ông Thái Công M có công với cách mạng, được tặng thưởng huân chương

kháng chiến chống Mỹ hạng nhất. Ngoài ra, hiện tại bị cáo đang bị bệnh u màng não phải thường xuyên đi chữa trị. Do bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ đáng được khoan hồng, bị cáo có chỗ ở ổn định, có đủ điều kiện để áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015. Vì vậy, không cần thiết bắt bị cáo phải chấp hành hình phạt tù tại trại giam mà cho bị cáo hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách gấp đôi và giao cho chính quyền địa phương nơi thường trú giám sát, giáo dục với mức án như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát cũng đủ để răn đe, phòng ngừa chung cũng như tạo điều kiện giúp bị cáo có cơ hội cải tạo trở thành công dân có ích cho xã hội.

Bị cáo Ngô Văn H1 tham gia phạm tội với vai trò là đồng phạm tích cực, trực tiếp giam gia đánh bạc bằng hình thức mua số đề, số 3 càng của A. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên bị cáo được hưởng một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Về nhân thân: Trước khi phạm tội bị cáo đã hai lần bị kết án tại bản án hình sự sơ thẩm số: 06/2010/HSST ngày 25/01/2010 và bản án hình sự sơ thẩm số: 124/2011/HSST ngày 28/10/2011 của Tòa án nhân dân thị xã Phúc Yên (nay là thành phố Phúc Yên), tỉnh Vĩnh Phúc, đã được xóa án tích. Bản thân bị cáo đã bị kết án nhưng không lấy đó làm bài học để tu dưỡng bản thân mà còn tiếp tục phạm tội nên cần thiết phải áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo. Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên Hội đồng xét xử sẽ xem xét khi đưa ra mức hình phạt phù hợp đối với bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhằm tạo điều kiện giúp bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm, yên tâm cải tạo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo khoản 3 Điều 321 của Bộ luật hình sự quy định “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*”. Quá trình điều tra và tại phiên tòa làm rõ các bị cáo có tài sản và có thu nhập nên cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo Thái Phúc A và Ngô Văn H1 mỗi bị cáo số tiền phạt là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) để sung Công quỹ Nhà nước là phù hợp.

[7] Về vật chứng của vụ án:

- Đối với số tiền đã thu giữ của Thái Phúc A gồm: 2.500.000 đồng là tiền bán số lô, số đề cho T5; 6.000.000 đồng bán số lô, số 3 càng cho H1; 2.110.000 đồng bán số lô, số đề cho D. Số tiền 1.600.000 đồng đã thu giữ của Cát Văn T4; 50.000 đồng đã thu giữ của Ngô Xuân T3; 2.400.000 đồng đã thu giữ của Nguyễn Đức Q; 400.000 đồng đã thu giữ của Nguyễn Gia L. Tổng cộng là 15.060.000 đồng là tiền

các bị cáo và các đối tượng sử dụng để đánh bạc và trúng thưởng do đánh bạc mà có nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với số tiền Thái Phúc A đã bán số lô, số đề, số 3 càng cho Cát Văn T4 vào các ngày 05/12/2018 là 460.000 đồng; ngày 30/3/2019 là 820.000 đồng và ngày 08/4/2019 là 1.370.000 đồng. Tổng cộng là 2.650.000 đồng, số tiền này do A phạm tội mà có nên cần truy thu sung quỹ Nhà Nước đối với A.

- Đối với 01 quyển sổ có dòng kẻ ngang, bìa có ghi chữ KLONG; 01 quyển sổ có dòng kẻ ngang không có bìa; 02 tờ tích kê; 01 tờ giấy ghi “ ngày 09/04/2019” và 01 tờ giấy A4 ghi “ 9/4/ T”, 01 tờ giấy A4 ghi “ 8/4/T” là những tài liệu A sử dụng vào mục đích bán số lô, số đề, số ba càng nên được chuyển theo hồ sơ vụ án.

- Đối với 01 bút bi mực màu đen, 01 tờ giấy than sử dụng vào mục đích đánh bạc cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 chiếc máy tính Casio; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia N1280 bên trong có lắp sim số 0984995617; 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO màu đen đã qua sử dụng, Thái Phúc A đều sử dụng để bán số lô, số đề, số ba càng cần tịch thu bán sung quỹ Nhà nước.

- Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu đen đã thu giữ của Cát Văn T4; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu đen đã thu giữ của Ngô Xuân T3 đều sử dụng để gửi tin nhắn mua số lô, số đề, số ba càng của Thái Phúc A cần tịch thu bán phát mại sung quỹ Nhà nước.

Đối với chiếc điện thoại di động anh Nguyễn Đức Q sử dụng để nhắn tin mua số lô, số đề của T5 Phúc A ngày 09/4/2019, anh Quang đã làm mất đến nay không thu hồi được, cơ quan cảnh sát điều tra không xem xét xử lý nên Hội đồng không xem xét giải quyết.

Đối với số tiền 12.500.000 đồng; 01 chiếc điện thoại di động mặt lưng có chữ Iphone, vỏ màu đồng; 01 quyển sổ có dòng kẻ ngang bìa có ghi chữ công ty văn phòng phẩm Hồng Hà đã thu giữ của Thái Phúc A không liên quan đến hành vi phạm tội cần trả lại cho bị cáo A nhưng tiếp tục tạm giữ số tiền và điện thoại nêu trên để đảm bảo thi hành án.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen đã thu giữ Nguyễn Gia L. Quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của L không sử dụng vào mục đích đánh bạc cần trả lại cho L là phù hợp.

Riêng đối với hành vi bán số lô, số đề, số 3 càng các ngày 05/12/2018, 30/3/2019, 31/3/2019, 05/4/2019, 08/4/2019 của Thái Phúc A đều dưới 5.000.000 đồng, nhân thân chưa có tiền án, tiền sự nên chưa đủ cấu thành tội “ Đánh bạc”, ngày 05 tháng 7 năm 2019, cơ quan điều tra đã có công văn số 679

đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Phúc Yên ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với A về hành vi “ làm chủ lô, đề” theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 26 Nghị định 167/2013/NĐ - CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ với mức phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng là đúng quy định của pháp luật.

Đối với anh Nguyễn Đức Q; Nguyễn Gia L; Ngô Xuân T3 và Cát Văn T4 đã mua các số lô, số đề, số 3 càng của Thái Phúc A là vi phạm pháp luật. Quá trình điều tra vụ án xác định nhân thân của Q, L, T3 và T4 đều chưa có tiền án, tiền sự, số tiền sử dụng để đánh bạc đều dưới 5.000.000 đồng nên chưa đủ cấu thành cấu thành tội “ Đánh bạc”. Ngày 02/7/2019, Công an thành phố Phúc Yên đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính mỗi người với số tiền 350.000 đồng, là phù hợp.

Đối với 02 thanh niên tự khai là Nguyễn Văn T5 và Đinh Văn D đã mua số lô, số đề của Thái Phúc A. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh theo địa chỉ ban đầu mà T5 và D đã khai báo nhưng chưa làm rõ được nhân thân lai lịch, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Buộc các bị cáo Thái Phúc A và Ngô Văn H1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Thái Phúc A và Ngô Văn H1 phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng: Khoản 1 và khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Thái Phúc A 10 (Mười) tháng tù, cho hưởng án treo, thời hạn thử thách 01 (một) năm 08 (Tám) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bị cáo Thái Phúc A số tiền 10.000.000đồng (Mười triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

Giao bị cáo Thái Phúc A cho Ủy ban nhân dân phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Áp dụng: Khoản 1 và khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Ngô Văn H1 07 (Bảy) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án. Phạt bị cáo Ngô Văn H1 số tiền 10.000.000đồng (Mười triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền bị cáo A và các đối tượng phạm tội mà có gồm: 2.500.000 đồng là tiền bán số lô, số đề cho T5; 6.000.000 đồng bán số lô, số 3 càn cho H1; 2.110.000 đồng bán số lô, số đề cho D. Số tiền 1.600.000 đồng đã thu giữ của Cát Văn T4; 50.000 đồng đã thu giữ của Ngô Xuân T3; 2.400.000 đồng đã thu giữ của Nguyễn Đức Q; 400.000 đồng đã thu giữ của Nguyễn Gia L. Tổng cộng là 15.060.000 đồng (Mười lăm triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng).

Truy thu sung quỹ Nhà nước số tiền bị cáo A bán số lô, số đề, số 3 càn cho Cát Văn T4 các ngày 05/12/2018 là 460.000 đồng, ngày 30/3/2019 là 820.000 đồng và ngày 08/4/2019 là 1.370.000 đồng. Tổng cộng là 2.650.000 đồng (Hai triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

Tịch thu, tiêu hủy: 01 bút bi mực màu đen, 01 tờ giấy than.

Tịch thu, bán phát mại sung quỹ Nhà nước: 01 chiếc máy tính Casio màu đen; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia N1280 màu đen bên trong có lắp sim số 0984995617; 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO F3 màu đen đã qua sử dụng; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu đen đã thu giữ của Cát Văn T4; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu đen đã thu giữ của Ngô Xuân T3.

Trả lại cho Thái Phúc A: Số tiền 12.500.000 đồng; 01 chiếc điện thoại di động mặt lưng có chữ Iphone, vỏ màu đồng; 01 quyển sổ có dòng kẻ ngang bìa có ghi chữ công ty văn phòng phẩm Hồngng Hà nhưng tiếp tục tạm giữ số tiền và điện thoại nêu trên để đảm bảo thi hành án.

Trả lại cho Nguyễn Gia L 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen.

(Tất cả vật chứng và số tiền nêu trên đều có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 30 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc).

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về

mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo Thái Phúc A và Ngô Văn H1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;
- Cơ quan CSĐT - Công an thành phố Phúc Yên;
- Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Phúc Yên;
- UBND phường Phúc Thắng - Phúc Yên - Vĩnh Phúc;
- Các bị cáo; Những người tham gia tố tụng;
- Sở Tư pháp Vĩnh Phúc;
- Lưu HS, bộ phận theo dõi THAHS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Trang Nhung

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu MPhú Nguyễn Hải Đăng

Nguyễn Thị Trang Nhung

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Nhung Nguyễn Xuân Thịnh

Nguyễn Thị Trang Nhung

